

CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2023 của Sở Y tế)

DVT: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã điều chỉnh (*)	Trong đó														
				Văn phòng Sở	Bệnh viện YHC T	Bệnh viện PHC N	Trung tâm Kiểm soát BT	Bệnh viện Da liễu	Trung tâm KN thuốc, MP, TP	Trạm chuyên khoa Lao	Trạm chuyên n khoa Tâm thần	Trun g tâm Pháp y	Trung tâm Cấp cứu 115	TT Chăm sóc SKCB	TTYT TP Tuy Hòa			
															Điều trị tuyên huyện	Y tế tuyên xã	Dự phòng	Dân số
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.585,213	7.585,213	0	0	0	294,331	0	114,748	99,220	29,443	0	85,055	0	0	33,666	169,157	24,186
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0														
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0														
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	7.585,213	7.585,213	0	0	0	294,331	0	114,748	99,220	29,443	0	85,055	0	0	33,666	169,157	24,186
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.276,081	7.276,081		0	0	294,331	0	114,748	99,220	29,443	0	85,055	0	0	0	169,157	24,186
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	309,132	309,132													33,666		

Ghi chú: (*) Bổ sung Dự toán NSNN năm 2023: để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ ./.

DVT: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Trong đó															
		TTYT huyện Phú Hòa				TTYT TX Đông Hòa				TTYT huyện Tây Hòa				TTYT huyện Tuy An			
		Điều trị tuyến huyện	Y tế tuyến xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyến huyện	Y tế tuyến xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyến huyện	Y tế tuyến xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyến huyện	Y tế tuyến xã	Dự phòng	Dân số
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	21,018	257,942	18,770	364,347	313,883	457,847	34,326	0	362,257	157,490	13,838	0	47,058	394,476	35,756
1	Chi quản lý hành chính																
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	21,018	257,942	18,770	364,347	313,883	457,847	34,326	0	362,257	157,490	13,838	0	47,058	394,476	35,756
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	257,942	18,770	364,347	295,655	457,847	34,326	0	323,011	157,490	13,838	0	0	394,476	35,756
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		21,018				18,228				39,246				47,058		

Ghi chú: (*) Bổ sung Dự tc

DVT: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Trong đó																Ghi chú
		TTYT TX Sông Cầu				TTYT huyện Đồng Xuân				TTYT huyện Sơn Hòa				TTYT huyện Sông Hinh				
		Điều trị tuyển huyện	Y tế tuyển xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyển huyện	Y tế tuyển xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyển huyện	Y tế tuyển xã	Dự phòng	Dân số	Điều trị tuyển huyện	Y tế tuyển xã	Dự phòng	Dân số	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	244,372	312,471	28,310	0	522,477	363,167	33,968	0	978,640	372,856	35,842	0	929,366	404,250	30,680	
1	Chi quản lý hành chính																	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	244,372	312,471	28,310	0	522,477	363,167	33,968	0	978,640	372,856	35,842	0	929,366	404,250	30,680	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	217,216	312,471	28,310	0	495,879	363,167	33,968	0	927,862	372,856	35,842	0	883,982	404,250	30,680	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		27,156				26,598				50,778				45,384			

Ghi chú: (*) Bổ sung Dự tc